

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11-11-2024

*“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa anh T-
chị C.”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Đức
- Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Ngọc Túy; Bà Nguyễn Thị Đoan.
- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quý T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi tạm trú: Số Z, tổ Z1, khu phố Z2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa có mặt anh T, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Quý T trình bày: Anh và chị Trần Thị Kim C tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/8/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình anh T, sau đó cùng vào tỉnh Đồng Nai lao động tự do. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2018 anh trở về quê sinh sống, hai bên sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị xin được ly hôn chị C.

Về con chung: Anh T khai anh và chị C có 01 con chung là Nguyễn Quý T5,

sinh ngày 24/9/2016. Con chung hiện do chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị để chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1 tháng.

Về tài sản chung: Anh T khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Trần Thị Kim C: Tại đơn lựa chọn Tòa án và đơn xin xử án vắng mặt ngày 14/10/2024 gửi Tòa án chị C trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị C xác nhận lời khai của anh T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn, nay anh T làm đơn khởi kiện ly hôn chị nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ là nơi giải quyết vụ kiện, chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí xin được ly hôn anh T. Về con chung chị C xác nhận vợ chồng có 01 con chung như anh T đã khai, chị C đề nghị giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1 tháng. Về tài sản chung chị C khai vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quý T khởi kiện ly hôn với chị Trần Thị Kim C. Chị C là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Thôn X, xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa, chị C đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ kiện nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, bị đơn đã có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Quý T và chị Trần Thị Kim C được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/8/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T và chị C cùng chung sống tại gia đình anh T tại xã Q1 và sau đó đi lao động tự do tại tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng, anh T đã trở về quê tại xã Q1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh T khai trong thời gian sống ly thân hai bên không liên hệ tìm nhau về đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn chị C. Đối với chị C sau khi anh T làm đơn khởi kiện ly hôn, chị C thiện chí và đã làm đơn lựa chọn Tòa án huyện

Quỳnh Phụ là nơi giải quyết vụ kiện ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự, chị C đã có đơn xin xử án vắng mặt gửi Tòa án. Nội dung đơn chị C xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn và đề nghị xin được ly hôn, do công việc và cung đường xa xôi, chị không thể về Tòa án Quỳnh Phụ tham gia tố tụng được, chị đề nghị xin được xử án vắng mặt. Đối với anh T quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh T giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị C là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh T và chị C có 01 con chung là Nguyễn Quý T5, sinh ngày 24/9/2016, con chung hiện do chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh T và chị C đều đề nghị giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay, anh T nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1 tháng và chị C nhất trí. Xét thấy con chung đang sinh sống và ổn định học tập tại nơi cư trú, cháu T5 có đơn gửi Tòa án trình bày kiến xin được ở với mẹ, vì vậy cần xử giao con chung cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng và anh T nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1 tháng là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh T chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh T chị C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Quý T được ly hôn chị Trần Thị Kim C.

2/Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Quý T5, sinh ngày 24/9/2016 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 11/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T, chị C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3/Về tài sản chung: Anh T chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004807 ngày 29/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ anh T còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q1;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC